

Số: 02/2022/QĐST-DS

Nông Công, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Anh Lê Ngọc D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Anh Lê Ngọc G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

+ *Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy X, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ**: Tính đến ngày 02/3/2022, anh Nguyễn Duy X còn nợ anh Lê Ngọc D số tiền gốc là 178.500.000đồng và số tiền lãi là

40.270.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 218.770.000đồng (*Hai trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- **Về phương thức và thời hạn trả nợ:** Vào ngày 30 hàng tháng, anh Nguyễn Duy X có nghĩa vụ trả cho anh Lê Ngọc D số tiền gốc và lãi là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*); hàng tháng vẫn tiếp tục trả lãi suất 1,5%/01 tháng tương ứng với số tiền gốc chưa trả hết cho đến khi trả hết toàn bộ gốc và lãi.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh D có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án đã ra quyết định thi hành án nếu anh X không thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- **Về án phí:** Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận và thống nhất: Anh Lê Ngọc D phải chịu 2.734.625 đồng (*Hai triệu bảy trăm ba tư nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) án phí có giá ngạch, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 5.200.000đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) anh D đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006714 ngày 13 tháng 10 năm 2021, trả lại cho anh Lê Ngọc D số tiền 2.465.375 (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí.

Anh Nguyễn Duy X phải chịu 2.734.625 đồng (*Hai triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) án phí có giá ngạch.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ vụ án. (LL).

**THẨM PHÁN**

**Võ Kỳ Anh**